

Bản án số: 38/2024/HS-ST

Ngày: 07/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Thẩm phán: Ông **Võ Văn Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Tâm**

2. Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

3. Bà **Đào Thị Kim Loan**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Kha Hữu Trí** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thanh N**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại An Giang; Nơi cư trú: Tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Bùi Thị Mỹ A; Có 02 em lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất là sinh năm 1981; Vợ Trần Thanh M1, có 04 con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày ngày 20/03/2023.

2. **Trần Thanh M1**, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1980 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Lê Thị L; Có 08 chị, em, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1991; Có chồng là Nguyễn Thanh N; Có 04 con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/03/2023.

3. **Trần Quốc Đ**, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1989 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Lê Thị L; Có 08 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1991; Có vợ là Danh Thị Bích D; Có 02 con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/03/2023.

4. **Trần Văn C**, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1993 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Trần Thị L1; Có 04 em, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004; vợ Trần Thị Kiều M2; Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/03/2023.

5. **Lê Văn T1**, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2001 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng Á và bà Trần Thị Thanh Đ1; Có 02 anh, em, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/03/2023.

6. **Lê Văn K**, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1999 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng Á và bà Trần Thị Thanh Đ1; Có 02 em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/03/2023.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thanh N và bị cáo Trần

Văn C: Luật sư **Thái Đức G** – Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Thanh M1**: Luật sư **Đường Minh Q** - Đoàn luật sư tỉnh K.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Quốc Đ**: Luật sư **Phạm Hoàng K1** - Đoàn luật sư tỉnh K.

- Người bào chữa cho bị cáo **Lê Văn T1**: Luật sư **Nguyễn Thị Kim S** - Đoàn luật sư tỉnh K.

- Người bào chữa cho bị cáo **Lê Văn K**: Luật sư **Phan Thanh H** - Đoàn luật sư tỉnh K.

(Các luật sư có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

1. Ông **Mai Văn G1**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Nguyễn Văn M3**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Thanh Đ1**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do chưa đóng tiền điện nên nhân viên điện lực thành phố P cắt nguồn điện sinh hoạt gia đình của Nguyễn Thanh N, nên N cùng với vợ là Trần Thanh M1 đi tìm thợ điện yêu cầu nối lại nguồn điện để gia đình tiếp tục sử dụng. Đến khoảng 16 giờ ngày 28/6/2022, N và M1 trên đường đi tìm thợ điện thì nhìn thấy thợ điện đang trú mưa phía trước nhà của ông Mai Văn G1, địa chỉ tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. N và M1 dừng xe lại đi vào phía trước hiên nhà của ông G1 nói chuyện lớn tiếng với thợ điện, lúc này ông G1 nghe nói chuyện lớn tiếng, nên đi ra phía trước nhà để xem, khi ra đến nơi ông G1 nói “Đụ mẹ trước cửa nhà tao tụi mày cự lộn ôm sôm hết vậy”, N tức giận nói với G1 “Đụ mẹ mày ở đậu mà cũng làm cha”, ông G1 tức giận nên chửi N, còn N thì chửi G1; N và G1 thách thức đánh nhau. Lúc này thợ điện ra xe chạy đi, còn

M1 cũng kéo N ra xe đi về nhà cách nhà ông G1 khoảng 300m. Khi về đến nhà N tức giận việc G1 chửi và thách thức đánh nhau nên lấy cây rựa quéo cầm trên tay đến gặp Trần Văn C, kêu Có chở N đi đánh Giào trả thù. Lúc này C đồng ý đánh nhau nên điều khiển xe 68P1-000.46 chở N trên tay N cầm cây rựa quéo. Thời điểm lên xe đi bà Lê Thị L (mẹ ruột M1) hỏi “có chuyện gì vậy” Mộng nói “đi tìm thợ sửa điện mà bị ông G1 đánh”. Trần Quốc Đ em của M1 nghe và đi ra hỏi M1 “rồi bị cái gì”, M1 nói với Đ “Chị với anh sáu mày đi kêu thợ điện mà bị ông G1 đánh”, Đ hỏi ở đâu, M1 chỉ tay về hướng nhà của ông G1 và nói “ở nhà của Chí cùi”. Đ nhìn theo thì thấy Có đang chở N đang trên đường đến nhà của ông G1, Đ chạy vào nhà lấy 01 ống tiếp sắt dài khoảng 2m. Ngay lúc này Lê Văn T1 (cháu của M1) hỏi M1 “có chuyện gì vậy dì sáu”, M1 nói với T1 “Dì và dượng 6 bị ông G1 đánh, kêu thằng Khỏe theo”. Nghe M1 nói bị ông G1 đánh nên đã đi vào bên trong phòng ngủ nói lại sự việc M1 bị đánh cho Lê Văn K nghe. Sau đó Đ cầm ống tiếp sắt lên xe 68P1-9437 chạy đến nhà ông G1; T1 chở K chạy theo phía sau. Còn Mộng thì chạy bộ đến nhà của ông G1. Khi C và N đến nhà ông G1 thì bà Nguyễn Thị L2 (vợ G1) đi ra sợ đánh nhau nên giật lấy cây rựa quéo cầm trên tay, đồng thời giải thích nguyên nhân cho Trần Văn C nghe, lúc này C kêu N lên xe để Có chở N về. Khi vừa ra đến xe thì Đ chạy xe đến bước xuống xe cầm ống tiếp sắt trên tay, Đ hỏi “thằng nào đánh anh chị tao, đánh chết mẹ nó”, Đ vừa nói xong thì cầm ống tiếp sắt, N cầm cây chéo dàn giáo xông vào đánh nhau với Mai Văn G1, Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Văn M3. Còn ông G1, bà L2 dùng cây rựa quéo đánh lại Đ và N. Lúc đang đánh nhau thì bên trong nhà có người ném cây xẻng ra trúng vào tay của Trần Văn C, lúc này C dùng cây xẻng quơ qua, quơ lại về phía nhóm người của ông G1 nhưng không trúng ai. Trong quá trình đánh nhau Đ đã dùng ống tiếp sắt đánh trúng vào vùng đầu của bà L2 và G1 làm cho ông G1 gục xuống nền gạch và bất tỉnh; còn N dùng cây chéo dàn giáo đâm trúng vào người của M3, đánh trúng vào tay của bà L2 làm cho M3 và L2 bị thương tích. Đang trong lúc đánh nhau thì M1 chạy bộ đến, M1 chửi thề tục vào nhóm người của ông G1, đồng thời dùng cây gỗ ném vào nhóm người của ông G1 nhưng không trúng ai. Khi T1 chở K đến K đã lấy cục gạch dùng trong xây dựng ném vào nhóm người của ông G1 nhưng không trúng. Còn T1 nhìn thấy đánh nhau có sử dụng hung khí thì đứng ngoài nhìn. Ngay lúc này có người la lên Công an đến, nên tất cả dừng lại. Đại, N, M1, C, K, T1 lên xe đi về. Về đến nhà thì phát hiện C bị thương tích trên cánh tay phải,

Đ bị bầm trên tay và trên vai. Đang lúc băng bó vết thương cho C thì lực lượng công an xã D đến mời về cơ quan làm việc. Sau đó G1, M3, L2 được đưa đến bệnh viện cấp cứu và điều trị cho đến khi được xuất viện. Sau đó ngày 15/03/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K đã ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thanh N; Trần Thanh M1, Trần Quốc Đ, Trần Văn C, Lê Văn K, Lê Văn T1 để điều tra về hành vi Giết người đến nay.

Trong quá trình điều tra, các bị can có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn về việc làm của mình. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị can theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

- Vật chứng vụ án:

+ 01 (một) đoạn tiếp sắt tròn dài 130cm, rộng ruột có hai lỗ tròn hai đầu, đường kính 03cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cây leng bằng kim loại dài 124cm, lưỡi dài 37cm, cán dài 87cm, có hình chữ T dài 9,7cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) thanh kim loại (chéo dần giáo xây dựng), rộng ruột dài 82cm, 01 đầu tròn đường kính 2,3cm, 01 đầu dẹp có lỗ tròn, bị rỉ sét đã qua sử dụng;

+ 01 (một) thanh kim loại (chéo dần giáo xây dựng), rộng ruột dài 117cm, 01 đầu tròn đường kính 2,3cm, 01 đầu dẹp có lỗ tròn, bị rỉ sét đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cây rựa cán gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài 124cm, đã qua sử dụng;

+ 03 (ba) viên gạch ống, trong đó 02 viên còn nguyên, 01 viên bị bể;

+ 01 (một) ống kim loại tròn, rộng ruột dài 75cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) lưỡi xẻng kích thước (34 x 17)cm, bằng kim loại, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cây xẻng dài 120cm, lưỡi dài 30cm, cán dài 90cm, đã qua sử dụng;

+ 02 (hai) cán xẻng dài 85cm, bằng kim loại, đã qua sử dụng;

+ 03 (ba) đoạn gỗ dài 58cm; 40cm và 44cm; đường kính 2,5cm;

+ 01 (một) xe máy biển số 68P6-9437, màu trắng đen, xe đã qua sử dụng cũ;

+ 01 (một) xe máy biển số 68P1-000.46, màu đỏ đen, xe đã qua sử dụng cũ.

Đồ vật, tài liệu nêu trên được nhập kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh K, tại Lệnh nhập kho vật

chứng số: 75 ngày 09/08/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K.

* Kết luận giám định:

1. Bản kết luận giám định thương tích số: 606/TgT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận giám định thương tích của Mai Văn G1 như sau:

* Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng đỉnh phải gây vỡ lún sọ, máu tụ ngoài màng cứng, tổn thương não bán cầu phải đã được phẫu thuật khoan mở sọ lấy máu tụ, treo màng cứng, vá lại sọ vỡ bằng vật liệu nhân tạo. Hiện tại còn để lại sẹo xơ cứng, ổ tổn thương dập não vùng trán đỉnh phải và còn vật liệu và sọ nơi khoan mở nắp sọ;

- Vết thương ngón I bàn tay phải gây trật khớp liên đốt ngón I, gãy xương đốt ngón I. Hiện tại còn để lại sẹo xơ cứng khớp liên đốt ngón I;

- Chấn thương vùng phần mềm tay trái đã được điều trị ổn, hiện không còn thấy dấu vết thương tích do chấn thương.

* Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng đỉnh phải là 43,85% (Bốn mươi ba phẩy tám mươi lăm phần trăm);

- Ngón I tay phải là 7,88% (Bảy phẩy tám mươi tám phần trăm);

- Tay trái là 00% (Không phần trăm).

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 48% (Bốn mươi tám phần trăm).

* Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng đỉnh phải là vật tày có cạnh gây nên. Vật chứng đánh dấu (1,2,3) gửi giám định đều gây được thương tích trên;

- Thương tích vùng bàn tay phải do vật có cạnh sắc gây nên. Vật chứng (đánh số 1,2,3) gửi giám định không gây được thương tích trên;

- Hiện tại tay trái không còn thấy dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định vật gây thương tích;

* Về cơ chế hình thành thương tích:

- Thương tích vùng đỉnh phải do vật tày có cạnh tác động vào vùng đỉnh phải theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái so với trục giải phẫu cơ thể;

- Thương tích vùng bàn tay phải do vật có cạnh sắc tác động vào vùng bàn tay phải theo hướng từ mặt lòng ra mặt lưng bàn tay phải;

- Hiện tại tay trái không còn thấy dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành vết thương.

2. Bản kết luận giám định thương tích số: 553/TgT ngày 22 tháng 09 năm 2022 của Trung tâm P kết luận giám định thương tích của Nguyễn Thị L2 như sau:

* Dấu hiệu chính qua khám định:

- Sẹo phần mềm vùng trán trái và bàn tay trái;
- Vết biến đổi sắc tố da vùng cánh tay trái;

* Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở: 05% (Không năm phần trăm);

* Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng trán trái do vật tày có cạnh gây nên. Vật chứng đánh dấu (1,2,3) gửi giám định đều gây được thương tích trên;

- Thương tích vùng cánh tay trái do vật gây nên. Vật chứng (đánh số 1,2,3) gửi giám định đều gây được thương tích trên;

- Thương tích vùng bàn tay trái do vật có cạnh sắc gây nên. Vật chứng (đánh số 3) gửi giám định gây được thương tích trên;

* Về cơ chế hình thành thương tích:

- Thương tích vùng trán trái do vật tày có cạnh tác động vào vùng trán trái theo hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau so với trục giải phẫu cơ thể;

- Thương tích vùng cánh tay trái do vật tày tác động vào vùng cánh tay trái theo hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu cơ thể;

- Thương tích vùng bàn tay trái do vật có cạnh sắc tác động vào vùng bàn tay trái theo hướng từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

3. Bản kết luận giám định thương tích số: 549/TgT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Trung tâm pháp Y tỉnh P kết luận giám định thương tích của Nguyễn Văn M3 như sau:

* Dấu hiệu chính qua khám định:

- Sẹo phần mềm vùng ngực phải và vùng hông lưng trái;

- Chấn thương phần mềm vùng cẳng tay trái đã được điều trị ổn định hiện không còn thấy dấu vết thương tích do đã thương;

* Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở: 03% (Không ba phần trăm);

* Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng ngực và hong trái do vật tày có góc cạnh gây nên. Vật chứng đánh dấu (1 và 2) gửi giám định đều gây được thương tích các vùng này;
- Thương tích cẳng tay trái do vật tày gây nên. Vật chứng (đánh số 1,2,3) gửi giám định đều gây được thương tích này;

* Về cơ chế hình thành thương tích:

- Thương tích vùng ngực phải do vật tày có góc cạnh tác động vào vùng ngực phải theo hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải sang trái so với trục giải phẫu cơ thể;
- Thương tích vùng hong trái do vật tày có góc cạnh tác động vào vùng hong trái theo hướng từ trái qua phải so với trục giải phẫu cơ thể;
- Hiện tại vùng cẳng tay trái không còn thấy dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSTKG-P2 ngày 12/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Thanh M1, Trần Quốc Đ, Trần Văn C, Lê Văn K, Lê Văn T1 về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa tranh luận và luận tội: Xuất phát từ việc cự cãi, thách thức đánh nhau giữa Nguyễn Thanh N và Mai Văn G1, các bị cáo Nguyễn Thanh N (cầm theo rựa quéo), Trần Thanh M1, Trần Quốc Đ (cầm theo tuýp sắt), Trần Văn C, Lê Văn K, Lê Văn T1 cùng đi đến nhà của G1. Khi Đ hô hào “thằng nào đánh anh chị tao, đánh chết mẹ nó” thì các bị cáo xông vào nhà ông G1 đánh những người trong nhà ông G1 gồm Mai Văn G1, Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Văn M3. Hậu quả làm ông G1 bị đánh vào đầu bất tỉnh tại chỗ với vết thương chính gây vỡ lún sọ, phải phẫu thuật khoan mở sọ lấy máu tụ, hiện còn để lại tổn thương dập não, còn vật liệu và sọ nơi khoan mở nắp sọ, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48%; Bà Nguyễn Thị L2 bị thương tích vùng trán và bàn tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%; Ông Nguyễn Văn M3 bị thương tích vùng ngực, hông trái, cẳng tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể 03%. Hành vi côn đồ, dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào những vùng trọng yếu trên cơ thể các bị hại, nhằm mục đích tước đoạt mạng sống người khác như trên, các bị cáo đã phạm vào tội “Giết người”. Do đó Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội chưa đạt, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 3 Điều 57 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Thanh M1, Trần Quốc Đ mỗi bị cáo từ 09 đến 10 năm tù;

Bị cáo Trần Văn C từ 08 đến 09 năm tù;

Bị cáo Lê Văn K từ 07 đến 08 năm tù;

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 05 đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Mai Văn G1 yêu cầu bồi thường các khoản, chi phí nằm viện điều trị là 176.000.000 đồng; tiền tàu xe đi lại trong quá trình điều trị là 20.450.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 70.000.000 đồng; thu nhập bị mất 06 tháng x 9.000.000 đồng, tổng cộng 220.450.000 đồng. Bị hại Nguyễn Ngọc L3 yêu cầu tiền điều trị bệnh là 1.500.000 đồng (có một số hóa đơn chứng từ kèm theo); tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng; tiền nghỉ việc 03 tháng để chăm sóc ông Mai Văn G1 mỗi ngày 350.000 đồng x 90 ngày là 31.500.000 đồng; tiền xe đi lại khám bệnh và làm việc với cơ quan điều tra 1.350.000 đồng, tổng cộng 44.350.000 đồng. Tổng cộng các khoản chung của ông G1, bà L3 bằng 264.800.000 đồng, gia đình các bị cáo đã bồi thường chung cho ông G1, bà L3 120.000.000 đồng, còn lại đề nghị buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Người bị hại Nguyễn Văn M3 yêu cầu bồi thường tiền điều trị bệnh là 2.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng; tiền mất thu nhập 01 tháng 9.000.000 đồng, tổng số tiền là 21.000.000 đồng. Đề nghị buộc các bị cáo bồi thường.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn C: Thống nhất về tội danh các bị cáo. Đánh giá nguyên nhân phạm tội là từ việc bị hại G1 cũng có thách thức Nam nên mới dẫn đến Nam nóng giận đi đánh trả và kéo theo các bị cáo khác nhất thời bênh vực người thân mới đi cùng. Về các tình tiết giảm nhẹ, thống nhất với Viện kiểm sát, các bị cáo phạm tội chưa đạt nên đề nghị xử các bị cáo mức án thấp.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thanh M1: Không thống nhất về tội danh của bị cáo M1. Về hành vi, M1 chỉ nói lại cho các bị cáo khác biết sự việc và nói việc N đi đánh bị hại chứ không có lời nói trực tiếp kêu các bị cáo đi đánh cùng N. Bị cáo M1 chỉ có một phần lỗi trong vụ án, không thỏa mãn

dấu hiệu cấu thành của tội “Giết người”. Các bị cáo không phạm tội có tổ chức nên M1 không phải là người có vai trò chính trong tội “Giết người”, vụ án xảy ra là do bị cáo Đ khởi xướng, hô hào. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị xử lý theo pháp luật.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Quốc Đ: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Đề nghị xem xét lại tình tiết định khung giết nhiều người đối với bị cáo, vì bị cáo không có mục đích giết người, bị cáo cầm ống tuýp sắt đánh lên đầu G1 là do G1 đã dùng dao chém vào vai của bị cáo, bị cáo mới đánh lại. Các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, vai trò thấp trong vụ án nên cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, từ đó xử bị cáo mức án thấp. Về phần bồi thường, cần xem xét lại mức thu nhập 250.000 đồng/ ngày là phù hợp, phần tổn thất tinh thần cũng đề nghị xem xét lại.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn K: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Đề nghị xem xét bị cáo có vai trò thấp trong vụ án, tham gia nhưng không gây ra thương tích cho ai nên mức án đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm trở về với gia đình.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Đề nghị xem xét, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xử bị cáo mức án thấp nhất.

Ý kiến những người bị hại: Các bị hại yêu cầu buộc các bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tranh luận gì với Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào nghị án: Các bị cáo đều thấy được hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn hối cải, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh N khai nhận, bị cáo có nói chuyện lớn tiếng trước nhà của G1 thì bị G1 ra chửi, hai bên cự cãi, bị cáo lên xe về còn bị G1 đá với theo trúng sau lưng và lấy cây chọi nhưng không trúng. Về đến nhà, bị cáo bức tức nên lấy 01 cây rựa quéo đi ra kêu Có chở qua nhà G1. Đến nhà G1 gặp vợ G1 là bà L3 khuyên can, lấy cây dao nên bị cáo và C đi ra định về thì lúc này Đ là em vợ bị cáo cầm tuýp sắt chạy đến xông vào đánh nhau với G1, thấy vậy bị cáo chạy lấy dàn chéo bằng sắt làm hung khí cùng xông vào đánh trúng bà L3, đến khi nghe la có Công an thì bị cáo bỏ về.

[2.1] Bị cáo Trần Thanh M1 trình bày, bị cáo đi cùng chồng là N từ lúc cự cãi ở nhà G1 về. Thấy N cầm dao đi, sợ có chuyện bị cáo mới nói với Đ là “Đi dượng bị ông G1 đánh”, từ đó Đ lấy ống tuýp sắt đi theo N. Bị cáo cũng nói với T1 là kêu K nói là đi dượng bị đánh, kêu K đi theo xuống đó. Khi mọi người đi hết, bị cáo cũng đi bộ theo đến nhà ông G1, thấy đánh nhau bị cáo có chửi và lấy cây gỗ ném vào nhưng không biết có trúng ai không.

[2.2] Bị cáo Trần Quốc Đ xác định, khi nghe dì M1 nói bị đánh, bị cáo cầm tuýp sắt chạy đến nhà ông G1. Bị cáo có nói “thằng nào đánh anh chị tao, đánh chết mẹ nó”, bị cáo đánh trúng vào đầu ông G1, bị cáo cũng bị bà L3, ông G1 đánh trúng tay, trúng vai. Thấy ông G1 chảy máu quá bị cáo sợ và nghe la lên có công an bị cáo bỏ về.

[2.3] Bị cáo Trần Văn C trình bày, bị cáo thấy N cầm cây rựa quéo trên tay và kêu bị cáo chở đi xuống nhà ông G1, bị cáo biết là đi sẽ có chuyện nên tính đi xuống đó có gì can ngăn. Khi đến nhà ông G1 gặp bà L3 ra can ngăn, lấy cây dao trên tay N, bị cáo ra xe định về. Lúc này Đ chạy đến, cầm theo ống tuýp sắt và hô lên “thằng nào đánh anh, chị tao, đánh chết mẹ nó” rồi xông vào đánh nhau với nhà ông G1, N cũng đi lấy cây sắt cùng đánh, bị cáo cũng đi vô thì bị cây xẻng ném trúng vào tay, bị cáo lượm cây xẻng đó quơ đánh lại nhóm của ông G1 nhưng không biết có trúng ai không.

[2.4] Các bị cáo Lê Văn T1 và Lê Văn K khai nhận, cả hai đều được dì M1 nói là bị đánh kêu đi qua bên ông G1, mọi người đã đi qua đó rồi, nên T1 chở K đến hiện trường thấy hai bên đang đánh nhau. Bị cáo K có lấy cục gạch ném vào nhóm ông G1, không biết có trúng ai không, nghe tiếng la có công an

K ra xe T1 chở về.

[3] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các bị hại và những người làm chứng đã được thẩm tra tại phiên tòa. Kết luận giám định pháp y về thương tích đối với các bị hại như sau: Bị hại Mai Văn G1 có các vết thương chính vùng đỉnh phải gây vỡ lún sọ đã được phẫu thuật khoan mở sọ lấy máu tụ, treo màng cứng, vá lại sọ vỡ bằng vật liệu nhân tạo, hiện còn để lại sẹo xơ cứng, ổ tổn thương dập não vùng trán đỉnh phải, vết thương ngón I bàn tay phải, gãy xương đốt ngón I, chấn thương phần mềm tay trái với tổng tỷ lệ thương tích là 48%; Bị hại Nguyễn Thị L2 có các vết thương phần mềm vùng trán trái và bàn tay trái, vết biến đổi sắc tố da vùng cánh tay trái, tỷ lệ thương tích 05%; Bị hại Nguyễn Văn M3 bị thương phần mềm vùng ngực phải, vùng lưng trái, chấn thương phần mềm vùng cẳng tay trái, tỷ lệ thương tích 03%. Vật gây thương tích được kết luận do vật tày và vật tày có góc cạnh gây nên, phù hợp với hung khí mà các bị cáo sử dụng. Với hành vi chỉ vì mâu thuẫn nhỏ các bị cáo là người thân trong gia đình đã cùng nhau mang theo hung khí nguy hiểm đến nhà bị hại, hô hào đánh chết người rồi xông vào đánh vào những vùng trọng yếu trên người các bị hại, do bị hại la lên có Công an đến các bị cáo mới dừng lại, các bị hại được đưa đi cấp cứu kịp thời nên không chết nhưng để lại thương tích nghiêm trọng. Hành vi như trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, thuộc trường hợp có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự nước C1 năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của các bị hại. Do các bị cáo đều là người thân thích của nhau, nên mặc dù không biết rõ mâu thuẫn giữa bị cáo N và bị hại G1, nhưng khi được hô hào, kêu gọi đã tích cực cùng nhau thực hiện tội phạm một cách quyết liệt. Hành vi của các bị cáo là hết sức côn đồ, dùng những loại hung khí nguy hiểm như ống tuýp sắt, rựa quéo đi đánh bị hại với mục đích giết người từ trước. Trước khi xông vào bị cáo Đ đã hô hào lớn tiếng “...đánh chết mẹ nó” và khi đánh các bị hại thì nhiều bị cáo cũng nhằm vào những vùng trọng yếu có thể dẫn đến chết người để ra tay là vùng đầu, vùng trán... Do các bị hại hô lên có Công an và được đưa đi cứu chữa kịp thời nên không chết là nằm ngoài mong muốn chủ quan của các bị cáo khi ra tay. Các bị cáo cùng thực hiện tội phạm

nhưng không có phân công, tổ chức nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và đều phạm tội chưa đạt. Sau khi gây án có ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài N, Đ, M1 có vai trò khởi xướng, thực hành tích cực trong vụ án, còn lại các bị cáo khác đều có hành vi giúp sức đơn giản, không trực tiếp gây ra thương tích cho ai nên cần xem xét quyết định cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với vai trò đồng phạm của mình theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự nhằm để răn đe giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, từ đó đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo K, bị cáo M1 không trực tiếp gây ra thương tích cho ai, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Bị cáo T1, phạm tội lần đầu, là người giúp sức có vai trò không đáng kể nên được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[7] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đề nghị là có cơ sở, Hội đồng xét xử xem xét và quyết định tương xứng với hành vi của từng bị cáo trong vụ án.

[8] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành N1, Trần Văn C, Lê Văn K, Lê Văn T1, đều thống nhất tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thanh M1, cho rằng bị cáo không phạm tội là không phù hợp. Như đã phân tích phần tội danh các bị cáo, bị cáo M1 giữ vai trò là người xúi giục các bị cáo khác phạm tội. Tuy nhiên, việc xem xét các tình tiết giảm nhẹ và điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo để xử bị cáo mức án nhẹ hơn đề nghị là cần thiết để bị cáo được cải tạo giáo dục sớm trở về lo cho gia đình.

[10] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Quốc Đ, tranh

luận tình tiết định khung cho rằng bị cáo không giết nhiều người là không đúng quy định. Bị cáo Đ là người thực hành tích cực trong vụ án có đồng phạm, bị cáo hô hào cùng các bị cáo khác xông vào đánh các bị hại nên bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm về hậu quả của vụ án là tình tiết định khung có tính chất côn đồ và giết nhiều người như truy tố. Việc cá thể hóa hình phạt được đánh giá ở vai trò, mức độ tham gia của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như luật sư đề nghị để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[11] Về ý kiến các bị hại: Yêu cầu các bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về trách nhiệm bồi thường: Vợ chồng ông Mai Văn G1, bà Nguyễn Thị L2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chung các khoản thiệt hại bằng 264.800.000 đồng, trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường 120.000.000 đồng, còn lại là 144.800.000 đồng; bị hại Nguyễn Văn M3 yêu cầu bồi thường các khoản bằng 21.000.000 đồng. Tất cả các bị cáo đều đồng ý bồi thường các khoản theo yêu cầu của các bị hại, Hội đồng xét xử ghi nhận buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo phần như sau: Bị cáo N1, M1, C, K, T1 mỗi bị cáo bồi thường 27.630.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường 27.650.000 đồng.

[13] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng trong vụ án. 02 chiếc xe được các bị cáo sử dụng làm phương tiện, công cụ khi gây án tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

[14] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch 5% đối với số tiền chưa bồi thường bằng: Bị cáo N1, M1, C, K, T1 mỗi bị cáo 1.381.500 đồng ($27.630.000 \times 5\%$); bị cáo Đ 1.382.500 đồng ($27.650.000 \times 5\%$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 3 Điều 57 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố, các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Quốc Đ phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N 09 (chín) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20 tháng 3 năm 2023;

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc Đ 09 (chín) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20 tháng 3 năm 2023;

- Căn cứ vào: điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, khoản 3 Điều 57 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố, các bị cáo Trần Thanh M1, Trần Văn C, Lê Văn K phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh M1 07 (bảy) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20 tháng 3 năm 2023;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn C 07 (bảy) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20 tháng 3 năm 2023;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn K 07 (bảy) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20 tháng 3 năm 2023;

- Căn cứ vào: điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58, khoản 3 Điều 57 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố, bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T1 05 (năm) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20 tháng 3 năm 2023;

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 590 BLDS.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Thanh M1, Trần Văn C, Trần Quốc Đ, Lê Văn K, Lê Văn T1 cùng có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại như sau:

- Bồi thường chung cho ông Mai Văn G1, bà Nguyễn Thị L2 các khoản thiệt hại còn lại là 144.800.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M3 bằng 21.000.000 đồng (*hai mươi một triệu đồng*).

Nghĩa vụ bồi thường cho cả 03 bị hại được chia theo phần cho các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Thanh M1, Trần Văn C, Lê Văn K, Lê Văn T1 mỗi bị cáo bồi thường 27.630.000 đồng (*hai mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*); bị cáo Trần Quốc Đ bồi thường 27.650.000 đồng (*hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Thanh M1, Trần Văn C, Trần Quốc Đ, Lê Văn K, Lê Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự có giá ngạch, các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Thanh M1, Trần Văn C, Lê Văn K, Lê Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 1.381.500 đồng (*một triệu ba trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng*); Bị cáo Trần Quốc Đ phải nộp 1.382.500 đồng (*một triệu ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) xe máy biển số 68P6 - 9437, màu trắng đen, xe đã qua sử dụng cũ;

+ 01 (một) xe máy biển số 68P1- 000.46, màu đỏ đen, xe đã qua sử dụng cũ.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng:

+ 01 (một) đoạn tiếp sắt tròn dài 130cm, rộng ruột có hai lỗ tròn hai đầu,

đường kính 03cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cây leng bằng kim loại dài 124cm, lưỡi dài 37cm, cán dài 87cm, có hình chữ T dài 9,7cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) thanh kim loại (chéo dần giáo xây dựng), rỗng ruột dài 82cm, 01 đầu tròn đường kính 2,3cm, 01 đầu dẹp có lỗ tròn, bị rỉ sét đã qua sử dụng;

+ 01 (một) thanh kim loại (chéo dần giáo xây dựng), rỗng ruột dài 117cm, 01 đầu tròn đường kính 2,3cm, 01 đầu dẹp có lỗ tròn, bị rỉ sét đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cây rựa cán gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài 124cm, đã qua sử dụng;

+ 03 (ba) viên gạch ống, trong đó 02 viên còn nguyên, 01 viên bị bể;

+ 01 (một) ống kim loại tròn, rỗng ruột dài 75cm, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) lưỡi xẻng kích thước (34 x 17)cm, bằng kim loại, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cây xẻng dài 120cm, lưỡi dài 30cm, cán dài 90cm, đã qua sử dụng;

+ 02 (hai) cán xẻng dài 85cm, bằng kim loại, đã qua sử dụng;

+ 03 (ba) đoạn gỗ dài 58cm; 40cm và 44cm; đường kính 2,5cm;

(Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 04/QĐ-VKSTKG-P2 ngày 12/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và Biên bản giao nhận đồ vật tài liệu ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang)

4. Báo cho các bị cáo, các bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 5 năm 2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Nguyễn Diệu Hiền